



**CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Kiểm toán - Thuế - Tài chính doanh nghiệp - Đào tạo

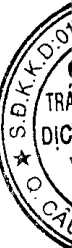
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 31



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 từ trang 6 đến trang 31 kèm theo.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thanh Phú  
Ông Lê Minh Tuấn  
Ông Nguyễn Quang Quyền  
Ông Ninh Viết Định  
Ông Lưu Ngọc Mai Phi  
Ông Nguyễn Anh Vũ

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/05/2013  
Bổ nhiệm từ ngày 28/05/2013

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Thanh Phú  
Ông Lê Minh Tuấn  
Ông Đinh Văn Sơn

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *luh*



**Nguyễn Thanh Phú**  
**Tổng Giám đốc**

*Bình Phước, ngày 17 tháng 03 năm 2014*



Số: 10/2014/UHY-BCKTĐL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17/03/2014, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thị Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số  
1226-2013-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2014*

**Phan Thanh Điền**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số  
1496-2013-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31/12/2013*

TÀI SẢN	Mã	Thuyết minh	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>484.556.754.805</b>	<b>385.455.758.537</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	212.873.059.571	199.517.254.347
Tiền	111		5.160.778.324	4.724.184.996
Các khoản tương đương tiền	112		207.712.281.247	194.793.069.351
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		115.848.141.795	36.429.314.572
Đầu tư ngắn hạn	121	5	115.848.141.795	36.429.314.572
Các khoản phải thu	130		103.092.697.423	139.393.405.685
Phải thu khách hàng	131		63.553.915.778	87.703.348.858
Trả trước cho người bán	132		6.021.830.293	19.962.179.242
Các khoản phải thu khác	135	7	33.598.637.016	32.120.576.440
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(81.685.664)	(392.698.855)
Hàng tồn kho	140		49.144.324.076	5.661.720.590
Hàng tồn kho	141	6	49.144.324.076	5.661.720.590
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.598.531.940	4.454.063.343
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		198.830.908	160.992.561
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.955.878.032	3.656.899.782
Tài sản ngắn hạn khác	158		443.823.000	636.171.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>972.208.694.783</b>	<b>1.080.575.019.238</b>
Tài sản cố định	220		813.210.759.969	915.017.041.461
Tài sản cố định hữu hình	221	9	700.228.069.096	837.605.756.044
- Nguyên giá	222		2.172.378.139.799	2.170.030.468.809
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.472.150.070.703)	(1.332.424.712.765)
Tài sản cố định vô hình	227	8	12.338.577.471	13.298.539.844
- Nguyên giá	228		15.252.657.760	15.252.657.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.914.080.289)	(1.954.117.916)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	100.644.113.402	64.112.745.573
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	158.178.144.533	164.735.722.804
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.098.144.533	2.677.722.804
Đầu tư dài hạn khác	258		152.080.000.000	162.058.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		819.790.281	822.254.973
Chi phí trả trước dài hạn	261		124.541.893	124.541.893
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		695.248.388	697.713.080
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.456.765.449.588</b>	<b>1.466.030.777.775</b>

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2013


NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết minh	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>483.743.361.149</b>	<b>535.110.578.893</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>248.973.525.747</b>	<b>204.348.383.491</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	117.336.000.000	95.124.000.000
Phải trả người bán	312		27.301.066.836	22.206.310.146
Người mua trả tiền trước	313		18.438.000	923.468.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	47.523.924.845	39.934.551.007
Phải trả công nhân viên	315		18.743.622.502	16.107.970.399
Chi phí phải trả	316	14	14.094.221.813	12.290.245.289
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	16.954.614.988	13.202.371.274
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.001.636.763	4.559.467.376
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>234.769.835.402</b>	<b>330.762.195.402</b>
Vay và nợ dài hạn	334	16	234.738.195.402	330.762.195.402
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		31.640.000	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>937.186.831.672</b>	<b>896.041.827.173</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>937.186.831.672</b>	<b>896.041.827.173</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		56.454.368.091	5.905.440.607
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416		(170.802.403)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		46.889.661	25.947.980.086
Quỹ dự phòng tài chính	418		24.251.370.991	17.106.732.663
Lợi nhuận chưa phân phối	420		156.605.005.332	147.081.673.817
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>35.835.256.767</b>	<b>34.878.371.709</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.456.765.449.588</b>	<b>1.466.030.777.775</b>


Bình Phước, ngày 17 tháng 03 năm 2014

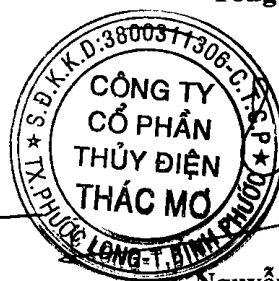
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Hồ Thành Công

  
Huỳnh Văn Khánh



  
Nguyễn Thanh Phú

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>496.638.052.141</b>	<b>516.354.628.139</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>496.638.052.141</b>	<b>516.354.628.139</b>
Giá vốn hàng bán	11	19	238.694.546.745	235.374.328.530
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>257.943.505.396</b>	<b>280.980.299.609</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	22.480.502.161	9.032.260.479
Chi phí tài chính	22	21	48.193.658.828	73.311.086.471
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		48.061.739.960	73.260.038.471
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.837.193.279	20.487.616.400
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>209.393.155.450</b>	<b>196.213.857.217</b>
Thu nhập khác	31	22	974.080.571	12.539.017.589
Chi phí khác	32	23	1.146.076.863	11.393.981.869
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(171.996.292)</b>	<b>1.145.035.720</b>
Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		20.421.729	9.791.023
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>209.241.580.887</b>	<b>197.368.683.960</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		48.493.748.356	48.055.767.599
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(35.738.641)	(678.028.329)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>160.783.571.172</b>	<b>149.990.944.690</b>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</i>	61		4.393.799.611	3.596.794.098
<i>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</i>	62		156.389.771.561	146.394.150.592
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>2.234</b>	<b>2.091</b>

Bình Phước, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hồ Thành Công



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	1	209.241.580.887	197.368.683.960
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ	02	141.944.885.608	138.896.541.904
Các khoản dự phòng	03	(311.013.191)	-
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05	(22.369.005.023)	(9.970.490.371)
Chi phí lãi vay	06	48.061.739.960	73.260.038.471
<b>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>376.568.188.242</b>	<b>399.554.773.964</b>
"Tăng/giảm" các khoản phải thu	09	36.611.721.453	66.379.681.343
"Tăng/giảm" hàng tồn kho	10	(43.482.603.486)	304.418.384
"Tăng/giảm" các khoản phải trả	11	20.931.094.219	(121.517.976.421)
"Tăng/giảm" chi phí trả trước	12	809.288.209	(2)
Tiền lãi vay đã trả	13	(45.768.183.178)	76.864.329.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(56.312.880.128)	(58.272.484.830)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.204.279.192)	(8.126.784.196)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>285.152.346.139</b>	<b>355.185.957.705</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(43.049.212.840)	(44.557.003.093)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	278.181.818
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(105.730.000.000)	(35.710.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	29.811.172.777	33.400.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.061.730.000)	(14.898.700.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.845.772.890	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.735.513.358	10.618.941.834
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(90.448.483.815)</b>	<b>(50.868.579.441)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	16.500.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(77.312.000.000)	(95.024.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(104.036.057.100)	(57.479.998.901)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(181.348.057.100)</b>	<b>(136.003.998.901)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>13.355.805.224</b>	<b>168.313.379.363</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>199.517.254.347</b>	<b>31.203.874.984</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>212.873.059.571</b>	<b>199.517.254.347</b>

Bình Phước, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đồng Giám đốc

Hồ Thành Công

Huỳnh Văn Khánh

Nguyễn Thanh Phú

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 38.00.311.306 đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 16/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty phát điện 2 - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỏ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp; cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ, đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch./.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT**

***Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên***

- Địa chỉ: số 160 Trần Phú, Xã Lộc Nga, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,92%
- Tỷ lệ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

***Công ty Cổ phần Thủy Điện Đắkrosa***

- Địa chỉ: 117 Lê Đại Hành, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 61,52%
- Tỷ lệ Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 61,52%

**1.4. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ÁNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU**

***Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình***

- Địa chỉ: A15 Lê Quý Đôn, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
- Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 20%

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được Bộ Tài chính chấp thuận áp dụng.

Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được hợp nhất trên cơ sở số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con; báo cáo tài chính của Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính này đều đã được kiểm toán. Các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư giữa Công ty và các công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố hữu hiệu lực thi hành từ ngày 10/06/2013 và được áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm là chi phí thực hiện các hợp đồng dịch vụ chưa hoàn thành.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**3.5 LẬP DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Riêng đối với các khoản đầu tư dài hạn vào các Công ty đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản và chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty chưa xem xét thực hiện đánh giá, trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh nguyên giá và khấu hao tương ứng nhưng không thực hiện điều chỉnh hồi tố cho số khấu hao đã trích.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	8 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

Năm 2013 Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa, là Công ty con của Công ty (sở hữu và kiểm soát 61,52% vốn điều lệ và quyền biểu quyết), thực hiện phân nhỏ các tài sản thuộc hạng mục nhà máy Thủy điện Đăkrosa và nhà máy Thủy điện Đăkrosa 2 thành từng hạng mục riêng và khấu hao theo thời gian của từng hạng mục thay vì khấu hao toàn bộ nhà máy như các năm trước. Việc thay đổi cách tính khấu hao như trên đã làm tăng chi phí khấu hao năm nay so với năm trước với số tiền ước tính là 4.181.290.806 đồng.

**3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các công ty liên doanh liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn với tỷ lệ nhỏ hơn 20% quyền biểu quyết. Tất cả các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc. Công ty sẽ thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khi có bằng chứng đáng tin cậy về việc suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

**3.8 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.9 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3.9 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Công ty chỉ ghi nhận doanh thu đối với các khoản lãi tiền gửi ngân hàng khi Công ty thực thu được bằng tiền, Công ty không thực hiện ước tính lãi dự thu đến ngày kết thúc năm tài chính.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có thực nhận bằng tiền khoản lãi.

**3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.11 BÊN LIÊN QUAN**

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất là các công ty liên kết của Công ty, Tập đoàn Điện lực Việt Nam cùng các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Tiền mặt	597.782.320	987.690.990
Tiền gửi ngân hàng	4.562.996.004	3.736.494.006
Các khoản tương đương tiền (*)	207.712.281.247	194.793.069.351
<b>Tổng cộng</b>	<b>212.873.059.571</b>	<b>199.517.254.347</b>

(\*): Là các khoản tiền gửi có kì hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng Thương Mại

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng trên 3 tháng dưới 1 năm	114.348.141.795	32.628.141.795
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ vay thời hạn 1 năm	1.500.000.000	3.801.172.777
<b>Tổng cộng</b>	<b>115.848.141.795</b>	<b>36.429.314.572</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Nguyên vật liệu	46.377.336.164	3.659.821.587
Công cụ dụng cụ	248.785.435	553.898.020
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.518.202.477	1.448.000.983
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>49.144.324.076</b>	<b>5.661.720.590</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả hộ BQLDA Thủy Điện Thác Mơ mở rộng	10.512.857.795	9.788.946.802
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	255.011.197
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk (*)	10.749.260.242	10.748.952.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.624.000.000	2.030.000.000
Tài sản chờ xử lý (**)	8.070.760.171	8.070.760.171
Phải thu khác	2.641.758.808	1.226.906.270
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.598.637.016</b>	<b>32.120.576.440</b>

(\*): Theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk ngày 14/11/2012, Công ty sẽ giải thể và thanh lý tài sản. Các khoản vốn góp sẽ được hoàn trả cho các cổ đông góp vốn. Do đó, khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk được phân loại lại thành khoản phải thu ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 của Công ty.

(\*\*): Đây là các khoản công nợ phải thu đã tồn đọng từ trước giai đoạn cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăksosa (trước năm 1999) nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được. Các khoản công nợ quá hạn này chưa được trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

<b>Khoản mục</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Thương hiệu</b>	<b>Phản mềm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>Cosevco</b>	<b>máy vi tính</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ Vô hình</b>				
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>13.183.457.760</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>69.200.000</b>	<b>15.252.657.760</b>
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>13.183.457.760</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>69.200.000</b>	<b>15.252.657.760</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>905.101.249</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>49.016.667</b>	<b>1.954.117.916</b>
Khấu hao trong năm	339.779.040	600.000.000	20.183.333	959.962.373
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>1.244.880.289</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>69.200.000</b>	<b>2.914.080.289</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>				
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>12.278.356.511</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>20.183.333</b>	<b>13.298.539.844</b>
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>11.938.577.471</b>	<b>400.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.338.577.471</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>1.445.159.174.087</b>	<b>598.171.209.354</b>	<b>115.682.141.379</b>	<b>11.017.943.989</b>	<b>2.170.030.468.809</b>
- Mua sắm mới trong năm	-	3.420.560.000	1.498.167.272	217.903.200	5.136.630.472
- Tăng khác	1.392.282.390	-	-	-	1.392.282.390
- Giảm khác	(2.300.715.172)	-	-	-	(2.300.715.172)
- Giảm TSCĐ theo TT 45/2013	(47.293.245)	(369.035.202)	(33.000.000)	(1.647.291.586)	(2.096.620.033)
- Điều chỉnh do hợp nhất	216.093.333	-	-	-	216.093.333
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>1.444.419.541.393</b>	<b>601.222.734.152</b>	<b>117.147.308.651</b>	<b>9.588.555.603</b>	<b>2.172.378.139.799</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>711.524.276.185</b>	<b>522.243.213.473</b>	<b>89.109.411.904</b>	<b>9.547.811.203</b>	<b>1.332.424.712.765</b>
- Khấu hao trong năm	55.283.393.819	73.945.383.666	11.569.720.528	249.705.222	141.048.203.235
- Giảm TSCĐ theo TT 45/2013	(41.749.007)	(338.611.423)	(29.450.313)	(786.474.554)	(1.196.285.297)
- Điều chỉnh do hợp nhất	(126.560.000)	-	-	-	(126.560.000)
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>766.639.360.997</b>	<b>595.849.985.716</b>	<b>100.649.682.119</b>	<b>9.011.041.871</b>	<b>1.472.150.070.703</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>733.634.897.902</b>	<b>75.927.995.881</b>	<b>26.572.729.475</b>	<b>1.470.132.786</b>	<b>837.605.756.044</b>
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>677.780.180.396</b>	<b>5.372.748.436</b>	<b>16.497.626.532</b>	<b>577.513.732</b>	<b>700.228.069.096</b>
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:					266.553.507.897
Nguyên giá tài sản cố định tại 31/12/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					47.522.595.444

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các công trình		
- Dự án Thủy điện Đại Nga	100.644.113.402	64.112.745.573
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.644.113.402</b>	<b>64.112.745.573</b>

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2013			Tại 01/01/2013		
	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Giá trị VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>600.000</b>		<b>6.098.144.533</b>	<b>200.000</b>		<b>2.677.722.804</b>
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	600.000	20	6.098.144.533	200.000	20	2.677.722.804
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>13.610.000</b>		<b>152.080.000.000</b>	<b>13.610.000</b>		<b>162.058.000.000</b>
Công ty CP Cơ điện Đồng Nai	110.000	10	1.100.000.000	110.000	10	1.100.000.000
Công ty CP Thủy điện Sêsan 4			-			9.978.000.000
Công ty CP Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ			1.400.000.000			1.400.000.000
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3	149.580.000.000	13.500.000	3	149.580.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.210.000</b>		<b>158.178.144.533</b>	<b>13.810.000</b>		<b>164.735.722.804</b>

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	117.336.000.000	95.124.000.000
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	63.936.000.000	42.624.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	35.000.000.000	35.000.000.000
- Ngân hàng NN&PT NT Gia Lai	18.100.000.000	17.100.000.000
- Ngân hàng Ngoại Thương Kon Tum	300.000.000	400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>117.336.000.000</b>	<b>95.124.000.000</b>

(\*) Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2014 (xem thêm chi tiết tại phần Thuyết minh số 16).

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.829.022.120	3.674.612.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.028.320.103	14.847.451.875
Thuế thu nhập cá nhân	95.983.611	81.062.243
Thuế tài nguyên	2.079.002.571	2.397.621.246
Thuế khác	36.491.596.440	18.933.803.060
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.523.924.845</b>	<b>39.934.551.007</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	9.490.727.711	3.786.261.690
Lãi vay Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	4.336.888.887	6.816.249.999
Chi phí khác	266.605.215	1.687.733.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.094.221.813</b>	<b>12.290.245.289</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	30.439.120	65.220.060
Phải trả cổ tức cho cổ đông	13.174.274.813	5.847.156.713
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Điện 3	-	112.000.000
Dự chi lãi	-	2.451.683.793
Phải trả Công ty CP Tổng Công ty Miền trung	2.635.446.868	2.635.446.868
Nguyễn Văn Kiên	-	1.200.000.000
Khác	1.114.454.187	890.863.840
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.954.614.988</b>	<b>13.202.371.274</b>

**16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn ngân hàng	234.738.195.402	330.762.195.402
- Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam (1)	42.618.248.446	85.242.248.446
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	140.000.000.000	175.000.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Gia Lai (3)	52.119.946.956	70.219.946.956
- Ngân hàng Ngoại thương Kon Tum (4)	-	300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>234.738.195.402</b>	<b>330.762.195.402</b>

- (1) Là khoản vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 01/EVN- Thác Mơ/TCKT ngày 02/01/2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 01/01/2008 đến ngày 10/10/2015, tiền gốc và lãi vay được trả mỗi năm 2 kỳ. Từ 2011 đến 2015 Lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi sau theo lãi suất bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cộng chi phí biên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)**

(2) Là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2008/HĐTD - TCĐL ngày 09/10/2008 với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn vay sau cổ phần hóa. Thời hạn vay tối đa 10 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên, gốc và lãi được trả 3 tháng /lần từ ngày 11/04/2009. Từ 11/07/2010 trở đi, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãi trả sau của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, cộng với lãi suất biên.

(3) Là khoản vay giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa với 2 Chi nhánh ngân hàng là Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai và Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hoàng Quốc Việt theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng số 89/HĐTD ngày 05/01/2004, mục đích vay để thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành của dự án Nhà máy Thủy điện Đăkrosa, thời hạn vay 12 năm, trả lãi sau theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng do Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai công bố.
- Hợp đồng số 68/HĐTD ngày 26/05/2010, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng dự án công trình Thủy điện Đăkrosa 2, thời hạn vay 12 năm, trả lãi sau theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng do Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai công bố.

Tài sản đảm bảo của hai hợp đồng này là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và vốn tự có (toàn bộ giá trị công trình Thủy điện Đăkrosa 2) và cầm cố nguồn thu bán điện hình thành trong tương lai.

(4) Là khoản vay theo Hợp đồng số 110/10/NHNT ngày 22/11/2010 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt nam - Chi nhánh Kon Tum, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay được xác định theo lãi suất thông báo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Ngoại Thương - Chi nhánh Kon Tum tại ngày rút vốn, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Mục đích vay đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại 01/01/2012</b>	700.000.000.000	17.601.346.191	13.354.106.313	-	4.796.550.607	75.210.383.701	810.962.386.812
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	149.990.944.690	149.990.944.690
Phân phối quỹ năm 2011	-	9.433.562.367	3.724.092.704	-	-	(13.157.655.071)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.324.199.000)	(5.324.199.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	-	(56.000.000.000)	(56.000.000.000)
Chuyển nguồn vốn	-	(1.108.890.000)	-	-	1.108.890.000	-	-
Điều chỉnh do hợp nhất	-	21.961.528	28.533.646	-	-	(3.637.800.503)	(3.587.305.329)
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>25.947.980.086</b>	<b>17.106.732.663</b>	<b>-</b>	<b>5.905.440.607</b>	<b>147.081.673.817</b>	<b>896.041.827.173</b>
<b>Tại 01/01/2013</b>	700.000.000.000	25.947.980.086	17.106.732.663	-	5.905.440.607	147.081.673.817	896.041.827.173
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	160.783.571.172	160.783.571.172
Phân phối lợi nhuận năm 2012	-	24.636.741.361	7.141.163.000	-	-	(31.777.904.361)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.695.360.500)	(6.695.360.500)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2012	-	-	-	-	-	(111.363.175.200)	(111.363.175.200)
Chuyển nguồn vốn	-	(50.548.927.484)	-	-	50.548.927.484	-	-
Tăng khác	-	-	-	(170.802.403)	-	-	(170.802.403)
Điều chỉnh do hợp nhất	-	11.095.698	3.475.328	-	-	(1.423.799.596)	(1.409.228.570)
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>46.889.661</b>	<b>24.251.370.991</b>	<b>(170.802.403)</b>	<b>56.454.368.091</b>	<b>156.605.005.332</b>	<b>937.186.831.672</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>496.638.052.141</b>	<b>516.354.628.139</b>
- Doanh thu bán điện	487.818.980.173	509.097.406.171
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.819.071.968	7.257.221.968
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>496.638.052.141</b>	<b>516.354.628.139</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn sản xuất điện	232.274.474.034	229.086.871.307
Giá vốn dịch vụ khác	6.420.072.711	6.287.457.223
<b>Tổng cộng</b>	<b>238.694.546.745</b>	<b>235.374.328.530</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.400.502.161	8.812.260.479
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.080.000.000	220.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.480.502.161</b>	<b>9.032.260.479</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	49.602.844.960	74.750.680.471
Lỗ từ đầu tư tài chính dài hạn	131.918.868	51.048.000
Tiền hỗ trợ lãi vay nhận được sau đầu tư	(1.541.105.000)	(1.490.642.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>48.193.658.828</b>	<b>73.311.086.471</b>

**22. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh lý tài sản, thiết bị	-	278.181.818
Doanh thu chuyển nhượng nhà máy nước OBF	-	8.910.157.070
Thu nhập khác	974.080.571	3.350.678.701
<b>Tổng cộng</b>	<b>974.080.571</b>	<b>12.539.017.589</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**23. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	214.202.298
Giá trị xây dựng nhà máy nước OBF chuyển nhượng	-	8.035.906.698
Chi phí khác	1.146.076.863	3.143.872.873
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.146.076.863</b>	<b>11.393.981.869</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vật Liệu	5.554.483.211	5.201.912.570
Lương và bảo hiểm xã hội	34.670.556.650	29.885.731.935
Khấu hao TSCĐ	141.944.885.608	138.896.541.904
Chi phí khác	121.003.481.804	155.188.844.992
<b>Tổng cộng</b>	<b>303.173.407.273</b>	<b>329.173.031.401</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>209.241.580.887</b>	<b>197.368.683.960</b>
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>(3.390.319.249)</b>	<b>3.764.668.023</b>
+ Chi phí không được trừ khi tính thuế	3.567.147.916	1.282.345.731
+ Điều chỉnh do ảnh hưởng các bút toán hợp nhất	122.532.835	2.702.322.292
+ Thu nhập không chịu thuế	(7.080.000.000)	(220.000.000)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>205.851.261.638</b>	<b>201.133.351.983</b>
+ Trong đó thu nhập chịu thuế suất 25%	191.005.926.370	190.772.559.442
+ Trong đó thu nhập chịu thuế suất 10%	14.845.335.268	10.360.792.541
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>49.236.015.119</b>	<b>48.729.219.114</b>
+ Thuế TNDN theo thuế suất 25%	47.751.481.592	47.693.139.860
+ Thuế TNDN theo thuế suất 10%	1.484.533.527	1.036.079.254
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm</b>	<b>(742.266.763)</b>	<b>(673.451.515)</b>
Từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính	(742.266.763)	(518.039.627)
TTNDN được giảm theo TT140/2012/TT-BTC	-	(155.411.888)
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>48.493.748.356</b>	<b>48.055.767.599</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	160.783.571.172	149.990.944.690
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	156.389.771.561	146.394.150.592
Số điều chỉnh giảm	-	-
Số điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	156.389.771.561	146.394.150.592
Số cổ phiếu bình quân	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>2.234</b>	<b>2.091</b>

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh điện và các dịch vụ khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**27. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

**Năm 2013**

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài

**Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi phí bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết liên doanh

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**

Kinh doanh diện VND	Các lĩnh vực khác VND	Tổng cộng VND
487.818.980.173	8.819.071.968	496.638.052.141
<b>487.818.980.173</b>	<b>8.819.071.968</b>	<b>496.638.052.141</b>
232.274.474.034	6.420.072.711	238.694.546.745
255.544.506.139	2.398.999.257	257.943.505.396
		(22.837.193.279)
		235.106.312.117
		22.480.502.161
		(48.193.658.828)
		974.080.571
		(1.146.076.863)
		20.421.729
		(48.493.748.356)
		35.738.641
		<b>160.783.571.172</b>

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Khu 5, P. Thác Mơ, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27. BÁO CÁO BỘ PHẦN (TIẾP)**

# BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

**Năm 2012**

## Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài

**Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

### Chi phí bộ phận

### Kết quả kinh doanh theo bộ phận

**Các chi phí không phân bổ theo bộ phận**

### Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

## Doanh thu hoạt động tài chính

**Chi phí tài chính**

### Thu nhập khác

**Chi phí khác**

Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết liên doanh

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

**Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn**

**Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)**

Đơn vị tính: VND		
Kinh doanh điện	Các lĩnh vực khác	Tổng cộng
509.097.406.171	7.257.221.968	516.354.628.139
<b>509.097.406.171</b>	<b>7.257.221.968</b>	<b>516.354.628.139</b>
229.086.871.307	6.287.457.223	235.374.328.530
280.010.534.864	969.764.745	280.980.299.609
		(20.487.616.400)
		260.492.683.209
		9.032.260.479
		(73.311.086.471)
		12.539.017.589
		(11.393.981.869)
		9.791.023
		(48.055.767.599)
		678.028.329
		<b>149.990.944.690</b>
-	-	-
138.896.541.904	-	138.896.541.904
-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	212.873.059.571	199.517.254.347
Đầu tư ngắn hạn	115.848.141.795	36.429.314.572
Phải thu khách hàng	63.472.230.114	87.310.650.003
Các khoản phải thu khác	33.598.637.016	32.120.576.440
Đầu tư dài hạn khác	152.080.000.000	162.058.000.000
<b>Cộng</b>	<b>577.872.068.496</b>	<b>517.435.795.362</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả cho người bán	27.301.066.836	22.206.310.146
Vay và nợ	352.074.195.402	425.886.195.402
Chi phí phải trả	14.094.221.813	12.290.245.289
Các khoản phải trả khác	16.954.614.988	13.202.371.274
<b>Cộng</b>	<b>410.424.099.039</b>	<b>473.585.122.111</b>

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

***Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác***

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty có ít giao dịch bằng ngoại tệ nên rủi ro tỷ giá của Công ty là thấp.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

***Quản lý rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	27.301.066.836	-	-	27.301.066.836
Vay và nợ	117.336.000.000	214.447.567.304	20.290.628.098	352.074.195.402
Các khoản phải trả khác	16.954.614.988	-	-	16.954.614.988
Chi phí phải trả	14.094.221.813	-	-	14.094.221.813
<b>Cộng</b>	<b>175.685.903.637</b>	<b>214.447.567.304</b>	<b>20.290.628.098</b>	<b>410.424.099.039</b>
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	22.206.310.146	-	-	22.206.310.146
Vay và nợ	95.124.000.000	275.471.567.304	55.290.628.098	425.886.195.402
Các khoản phải trả khác	13.202.371.274	-	-	13.202.371.274
Chi phí phải trả	12.290.245.289	-	-	12.290.245.289
<b>Cộng</b>	<b>142.822.926.709</b>	<b>275.471.567.304</b>	<b>55.290.628.098</b>	<b>473.585.122.111</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	212.873.059.571	-	-	212.873.059.571
Đầu tư ngắn hạn	115.848.141.795	-	-	115.848.141.795
Phải thu khách hàng	63.472.230.114	-	-	63.472.230.114
Các khoản phải thu khác	33.598.637.016	-	-	33.598.637.016
Đầu tư dài hạn khác	-	-	152.080.000.000	152.080.000.000
<b>Cộng</b>	<b>425.792.068.496</b>	<b>-</b>	<b>152.080.000.000</b>	<b>577.872.068.496</b>
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>Từ 1 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	199.517.254.347	-	-	199.517.254.347
Đầu tư ngắn hạn	36.429.314.572	-	-	36.429.314.572
Phải thu khách hàng	87.310.650.003	-	-	87.310.650.003
Các khoản phải thu khác	32.120.576.440	-	-	32.120.576.440
Đầu tư dài hạn khác	-	-	162.058.000.000	162.058.000.000
<b>Cộng</b>	<b>355.377.795.362</b>	<b>-</b>	<b>162.058.000.000</b>	<b>517.435.795.362</b>

**29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>441.515.616.473</b>	<b>467.512.993.495</b>
- Doanh thu bán hàng với Công ty mua bán điện	441.515.616.473	467.512.993.495
<b>Chi phí với các bên liên quan</b>	<b>37.410.915.849</b>	<b>57.941.346.432</b>
- Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	14.108.120.016	23.432.542.266
- Chi phí lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần điện lực	23.302.795.833	34.508.804.166
<b>Góp vốn vào bên liên quan</b>	<b>3.400.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
- Góp vốn vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	3.400.000.000	200.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>53.954.059.492</b>	<b>79.245.014.024</b>
- Công ty mua bán điện	53.862.009.725	79.245.014.024
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	92.049.767	-
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>228.543.808</b>	<b>112.000.000</b>
- Công ty CP Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ	180.392.831	-
- TT Viễn thông điện lực Miền Nam - EVN Telecom	48.150.977	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	112.000.000
<b>Các khoản vay</b>	<b>281.554.248.446</b>	<b>337.866.248.446</b>
- Vay của Tập đoàn Điện lực	106.554.248.446	127.866.248.446
- Vay của Công ty tài chính CP Điện lực	175.000.000.000	210.000.000.000
<b>Chi phí phải trả</b>	<b>13.827.616.598</b>	<b>10.602.511.689</b>
- Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	9.490.727.711	3.786.261.690
- Lãi vay phải trả Công ty tài chính CP Điện lực	4.336.888.887	6.816.249.999

**Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	288.000.000	288.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	157.200.000	157.200.000
<b>Cộng</b>	<b>445.200.000</b>	<b>445.200.000</b>

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán.

Bình Phước, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hồ Thành Công

Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú





## CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán Thuế Tài chính doanh nghiệp Đào tạo

Trụ sở chính  
Tầng 9 toà nhà H1  
82 đường Duy Tân, Cầu Giấy  
Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: +844 3755 7446  
Fax: +844 3755 7448  
Thành viên hàng UHY Quốc Tế

Chi nhánh Hồ Chí Minh  
46 Trương Quyền,  
phường 6, quận 3,  
TP. HCM, Việt Nam  
Điện thoại: +848 38204 899  
Fax: +848 38204 909  
[www.uhyvietnam.com.vn](http://www.uhyvietnam.com.vn)